

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2017 ĐẾN NGÀY 30/06/2017



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30

77
G
EM
TOA
TÀ
G
AN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Huy	Chủ tịch
Ông Phan Huy Thành	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Bốn	Ủy viên
Ông Nguyễn Thế Tam	Ủy viên
Ông Nguyễn Thế Hùng	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Lan	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Năng Đồng	Thành viên ban kiểm soát
Bà Lê Thị Dung	Thành viên ban kiểm soát

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thế Hùng	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bốn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Ân	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 04/04/2017)
Ông Phạm Văn Tạo	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 04/04/2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thế Hùng
Giám đốc

Ngày 01 tháng 08 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvieta.com.vn Website: www.ifcvieta.com.vn

Số: 01.08/2017/BCSX- IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4, được lập ngày 01 tháng 08 năm 2017, từ trang 5 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4 chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-01

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 01a-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.905.085.000	40.234.239.338
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.190.633.778	173.628.285
1. Tiền	111	V.1	2.190.633.778	173.628.285
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	1.265.330.052	939.246.300
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.950.812.606	1.950.812.606
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(685.482.554)	(1.011.566.306)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.615.897.884	26.849.054.487
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	13.110.989.883	22.938.777.239
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.990.730.630	198.174.214
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.593.457.153	3.791.382.816
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(79.279.782)	(79.279.782)
IV. Hàng tồn kho	140		7.585.757.919	12.231.151.722
1. Hàng tồn kho	141	V.6	7.585.757.919	12.231.151.722
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		247.465.367	41.158.544
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		247.465.367	41.158.544
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.294.703.748	6.501.408.772
I. Tài sản cố định	220		3.411.525.340	3.631.330.731
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	3.411.525.340	3.631.330.731
- Nguyên giá	222		11.029.035.280	10.932.371.293
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.617.509.940)	(7.301.040.562)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.500.000.000	2.500.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.8	2.500.000.000	2.500.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		383.178.408	370.078.041
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		383.178.408	370.078.041
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		36.199.788.748	46.735.648.110

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU B 01a-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		20.889.594.894	29.655.533.149
I. Nợ ngắn hạn	310		20.889.594.894	29.655.533.149
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	4.883.789.728	11.105.761.770
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	608.313.462	1.205.459.346
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	814.726.290	855.413.321
4. Phải trả người lao động	314		2.840.306.519	6.187.189.628
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	1.030.316.949	359.901.812
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1.706.145.542	1.374.849.036
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	5.710.191.497	5.926.830.275
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.14	1.555.335.655	1.216.855.705
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.740.469.252	1.423.272.256
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.310.193.854	17.080.114.961
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	15.310.193.854	17.080.114.961
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.280.000.000	10.280.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.280.000.000	10.280.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.845.867.448	3.787.988.821
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		205.012.735	118.194.795
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		979.313.671	2.893.931.345
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		288.084.390	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		691.229.281	2.893.931.345
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		36.199.788.748	46.735.648.110

Phùng Thị Thu
Người lập
Ngày 01 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Thế Tam
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Hùng
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU B 02a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	24.128.737.376	10.221.882.613
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	24.128.737.376	10.221.882.613
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	21.837.725.776	8.739.365.848
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.291.011.600	1.482.516.765
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	402.864.189	3.021.357
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(262.006.319)	124.576.576
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		63.535.549	97.622.076
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.152.114.789	1.396.000.733
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		803.767.319	(35.039.187)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	15.448.142	1.241.489.679
12. Chi phí khác	32	VI.7	31.766.077	24.498.205
13. Lợi nhuận khác	40		(16.317.935)	1.216.991.474
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		787.449.384	1.181.952.287
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	96.220.103	243.050.934
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		691.229.281	938.901.353
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	578	785
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		578	785

Phùng Thị Thu
Người lập
Ngày 01 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Thế Tam
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Hùng
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU B 03a-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	35.307.698.567	20.983.459.301
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(23.735.293.639)	(5.537.788.042)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.347.535.234)	(5.854.508.240)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(58.619.274)	(97.622.076)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(692.685.893)	(454.572.166)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	883.878.866	205.145.149
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(327.413.311)	(2.403.945.825)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.030.030.082	6.840.168.101
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(143.250.000)	(39.800.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	220.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	402.864.189	3.021.357
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	259.614.189	183.221.357
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.899.367.484	6.789.128.324
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(8.116.006.262)	(11.998.179.480)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.056.000.000)	(1.644.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.272.638.778)	(6.853.851.156)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2.017.005.493	169.538.302
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	173.628.285	129.742.181
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.190.633.778	299.280.483



Phùng Thị Thu
Người lập
Ngày 01 tháng 08 năm 2017



Nguyễn Thế Tam
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Hùng
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4 (gọi tắt là “Công ty”) là công ty con của Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 121/2003/QĐ-BCN ngày 11 tháng 7 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển Xí nghiệp Cơ điện thuộc Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam) thành Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.4. Sau đó, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4 theo Quyết định số 03QĐ/XLĐ 3.4-HĐQT ngày 28/02/2006 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.4. Công ty hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900574674 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 17 tháng 05 năm 2011 và các lần thay đổi. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900574674 thay đổi lần thứ 7 ngày 11 tháng 01 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 10.280.000.000 đồng, được chia thành 1.028.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 93 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 98 người).

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là VE4.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Phá dỡ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; và
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác...

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Đồng thời, Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 40
Máy móc thiết bị	04 - 14
Phương tiện vận tải	08 - 12

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bắt động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.634.958.576	10.931.973
Tiền gửi ngân hàng	555.675.202	162.696.312
Cộng	2.190.633.778	173.628.285

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Chứng khoán kinh doanh				
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng VNECO 9 (VE9)	3.011.852	3.100.300	-	2.008.800
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNE)	1.947.800.754	1.262.318.200	(685.482.554)	937.237.500
Cộng	1.950.812.606	1.265.418.500	(685.482.554)	939.246.300
				(1.011.566.306)

Chi tiết số lượng cổ phần nắm giữ

Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng VNECO 9 (VE9)
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNE)

30/06/2017	01/01/2017
Cổ phần	Cổ phần
301	301
124.982	124.982

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	12.502.100.472	9.305.636.777
Công ty truyền tải điện 1	-	11.978.721.899
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	-	441.739.921
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	38.673.506	47.467.594
Các khoản phải thu khách hàng khác	570.215.905	1.165.211.048
Cộng	<u><u>13.110.989.883</u></u>	<u><u>22.938.777.239</u></u>
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan <i>(Xem tại Thuyết minh VII.2 - Thông tin các bên liên quan)</i>	12.540.773.978	9.794.844.292
Cộng	<u><u>12.540.773.978</u></u>	<u><u>9.794.844.292</u></u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Công ty TNHH XD và TM Hoàng Phương Tùng	1.004.509.589	-
Ông Đậu Minh Thông	779.000.000	-
Công ty TNHH DV xây dựng Hiếu Hiền - Hàm Trí	512.990.000	-
Công ty Cổ phần Thành Hưng	432.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	262.231.041	198.174.214
Cộng	<u><u>2.990.730.630</u></u>	<u><u>198.174.214</u></u>

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Phải thu người lao động	126.242.091	151.918.376
Tạm ứng	1.500.158.939	3.609.309.143
Phải thu khác	967.056.123	30.155.297
Cộng	<u><u>2.593.457.153</u></u>	<u><u>3.791.382.816</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.390.367.229	-	1.405.490.473	-
Công cụ, dụng cụ	32.672.636	-	19.734.100	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.162.718.054	-	10.805.927.149	-
Cộng	7.585.757.919	-	12.231.151.722	-

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2017	3.090.779.699	3.361.838.530	4.479.753.064	10.932.371.293
Mua trong kỳ	-	134.522.727	-	134.522.727
Thanh lý, nhượng bán	-	(37.858.740)	-	(37.858.740)
Tại ngày 30/06/2017	3.090.779.699	3.458.502.517	4.479.753.064	11.029.035.280
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2017	1.851.694.259	2.653.104.332	2.796.241.971	7.301.040.562
Khấu hao trong kỳ	39.814.444	119.352.878	195.160.796	354.328.118
Thanh lý, nhượng bán	-	(37.858.740)	-	(37.858.740)
Tại ngày 30/06/2017	1.891.508.703	2.734.598.470	2.991.402.767	7.617.509.940
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	1.239.085.440	708.734.198	1.683.511.093	3.631.330.731
Tại ngày 30/06/2017	1.199.270.996	723.904.047	1.488.350.297	3.411.525.340

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết còn sử dụng là 2.350.873.665 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cầm cố thế chấp cho các hợp đồng vay là 2.551.510.078 đồng.

8. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản đầu tư cổ phần Công ty Cổ phần Sông Ba (mã chứng khoán SBA), số lượng cổ phần nắm giữ là 254.000 cổ phần, giá trị gốc của khoản đầu tư là 2.500.000.000 đồng, giá trị hợp lý tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là 3.810.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2	1.997.923.675	3.389.118.259
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3	326.573.580	2.901.773.580
Xí nghiệp cơ khí 59 - Công ty 27	780.741.577	1.760.019.328
Công ty TNHH Xây lắp Thương mại Tín Đạt	555.101.070	383.624.332
Các nhà cung cấp khác	1.223.449.826	2.671.226.271
Cộng	4.883.789.728	11.105.761.770
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem chi tiết tại Thuyết minh số VII.2 - Thông tin các bên liên quan)	2.324.497.255	6.290.891.839
Cộng	2.324.497.255	6.290.891.839

Công ty xác định có khả năng trả nợ 100% tất cả các khoản nợ phải trả người bán khi đến hạn.

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	334.538.847	666.129.040
Công ty Truyền tải Điện 1	273.774.615	539.330.306
Cộng	608.313.462	1.205.459.346

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/khấu trừ trong kỳ	30/06/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	157.306.359	1.496.096.235	1.115.466.503	537.936.091
Thuế thu nhập doanh nghiệp	692.685.893	96.220.103	692.685.893	96.220.103
Thuế thu nhập cá nhân	5.421.069	58.337.923	24.405.396	39.353.596
Thuế tiền thuê đất	-	289.493.872	148.277.372	141.216.500
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế khác	-	9.806	9.806	-
Cộng	855.413.321	1.943.157.939	1.983.844.970	814.726.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trích trước chi phí giá vốn công trình	945.316.949	268.018.000
Các khoản trích trước khác	85.000.000	91.883.812
Cộng	<u>1.030.316.949</u>	<u>359.901.812</u>

13. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	84.242.073	137.276.634
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	1.621.903.469	1.237.572.402
Cộng	<u>1.706.145.542</u>	<u>1.374.849.036</u>

14. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	<u>Giá trị</u>
	<u>VND</u>
Dự phòng bảo hành công trình	
Tại ngày 01/01/2017	1.216.855.705
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	348.415.497
Các khoản dự phòng đã sử dụng	9.935.547
Tại ngày 30/06/2017	<u>1.555.335.655</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị Số có khả năng trả		Giá trị Số có khả năng trả	
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Vay ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	5.408.446.081	5.408.446.081	7.887.975.401	5.636.476.942
Vay các đối tượng khác	301.745.416	301.745.416	11.392.083	290.353.333
Cộng	5.710.191.497	5.710.191.497	7.899.367.484	5.926.830.275

(i) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 244/TDDN17-NAN.KHBL ngày 24 tháng 05 năm 2017. Tổng hạn mức cho vay là 8 tỷ đồng, thời gian duy trì hạn mức đến 24 tháng 5 năm 2018. Mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán các khoản chi phí phục vụ kinh doanh. Lãi suất cho vay được quy định tại từng thời điểm rút vốn. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn

Tài sản thế chấp là:

- Tài sản gắn liền với đất của thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 295450 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 07 tháng 02 năm 2005.
- Tài sản là máy móc thiết bị và phương tiện vận tải thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của Công ty.
- Tài sản hình thành từ vốn vay là các máy móc thiết bị và xe ô tô hiệu THACO theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 11.12.2014.HĐMB ngày 11 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 4197 Nguyễn Trường Tộ, phường Đồng Vinh,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09a-DN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****16. Vốn chủ sở hữu****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND					
Số dư tại ngày 01/01/2016	10.280.000.000	3.672.108.065	-	-	47.959.612	2.317.615.113	16.317.682.790
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	2.893.931.345	2.893.931.345
Phân phối lợi nhuận	-	115.880.756	-	-	70.235.183	(186.115.939)	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(486.699.174)	(486.699.174)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(1.644.800.000)	(1.644.800.000)
Số dư tại ngày 01/01/2017	10.280.000.000	3.787.988.821	-	-	118.194.795	2.893.931.345	17.080.114.961
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	691.229.281	691.229.281
Phân phối lợi nhuận (i)	-	57.878.627	-	-	86.817.940	(144.696.567)	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(405.150.388)	(405.150.388)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(2.056.000.000)	(2.056.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2017	10.280.000.000	3.845.867.448	-	-	205.012.735	979.313.671	15.310.193.854

(i) Giá trị phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên 2017 ngày 15 tháng 04 năm 2017. Ngoài ra, cũng theo Nghị quyết nêu trên, cổ tức năm 2016 chi trả bằng tiền mặt 20% vốn điều lệ tương ứng giá trị 2.056.000.000 đồng, thời gian chi trả cổ tức được thực hiện vào ngày 20 tháng 06 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.028.000	1.028.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.028.000	1.028.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.028.000	1.028.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.028.000	1.028.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

17. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Do doanh thu hoạt động xây lắp của Công ty chiếm hơn 98% tổng doanh thu trong kỳ. Mặt khác, Công ty không có chi nhánh, do đó Công ty không thực hiện trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.128.737.376	10.221.882.613
Trong đó:		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	24.001.282.826	10.066.050.975
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	127.454.550	155.831.638
Cộng	24.128.737.376	10.221.882.613
b. Doanh thu với các bên liên quan (Xem chi tiết tại Thuyết minh VII.2 - Thông tin các bên liên quan)	18.083.964.706	9.123.641.412

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	21.837.725.776	8.726.327.730
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	13.038.118
Cộng	21.837.725.776	8.739.365.848

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi	13.164.189	3.021.357
Cổ tức, lợi nhuận được chia	262.500.000	-
Lợi nhuận từ bán chứng khoán	127.200.000	-
Cộng	402.864.189	3.021.357

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền vay	63.535.549	97.622.076
Trích dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	26.954.500
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	(326.083.752)	-
Chi phí tài chính khác	541.884	-
Cộng	(262.006.319)	124.576.576

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lương và các khoản trích theo lương	1.170.504.406	1.367.622.475
Hoàn nhập dự phòng tiền lương	(337.138.880)	(816.158.744)
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(21.546.222)
Chi phí khấu hao TSCĐ	38.478.260	55.830.466
Chi phí đồ dùng văn phòng	240.388.702	253.236.935
Chi phí dịch vụ mua ngoài	836.297.268	329.584.216
Chi phí bằng tiền khác	203.585.033	227.431.607
Cộng	2.152.114.789	1.396.000.733

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Hoàn nhập bảo hành công trình	-	1.096.128.374
Các khoản khác	15.448.142	145.361.305
Cộng	15.448.142	1.241.489.679

7. Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí phạt hành chính	10.103.510	302.379
Chi phí khác	21.662.567	24.195.826
Cộng	31.766.077	24.498.205

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện tại	96.220.103	243.050.934
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	96.220.103	243.050.934

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	691.229.281	938.901.353
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (i)	(96.772.099)	(131.446.189)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	594.457.182	807.455.164
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.028.000	1.028.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	578	785

(i) Quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính của 6 tháng đầu năm 2017 là 14% của lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2017. Tỷ lệ lợi nhuận ước tính là tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi.

	Số báo cáo	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
Lợi nhuận/(Lỗ) để tính lãi cơ bản	938.901.353	-	938.901.353
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi	197.169.284	(65.723.095)	131.446.189
Số bình quân gia quyền cổ phiếu	1.028.000		1.028.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	722	(65.723.095)	785

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.686.187.778	2.521.184.030
Chi phí công cụ, dụng cụ	408.405.725	188.953.636
Chi phí nhân công	5.540.211.158	5.151.929.124
Chi phí khấu hao tài sản cố định	354.328.118	362.741.858
Chi phí máy thi công	361.274.128	99.062.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.790.454.822	2.237.169.430
Chi phí khác bằng tiền	203.585.033	263.840.219
Cộng	19.344.446.762	10.824.881.047

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản vay	5.710.191.497	5.926.830.275
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.190.633.778	173.628.285
Nợ thuần	3.519.557.719	5.753.201.990
Vốn chủ sở hữu	15.310.193.854	17.080.114.961
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	22,99%	33,68%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.190.633.778	173.628.285
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.125.008.315	23.041.571.130
Đầu tư ngắn hạn	1.265.330.052	939.246.300
Đầu tư dài hạn	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	20.080.972.145	26.654.445.715
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	5.710.191.497	5.926.830.275
Phải trả người bán và phải trả khác	6.589.935.270	12.480.610.806
Chi phí phải trả	1.030.316.949	359.901.812
Cộng	13.330.443.716	18.767.342.893

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)*****Công nợ tài chính***

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
30/06/2017				
Tiền	2.190.633.778	-	-	2.190.633.778
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.125.008.315	-	-	14.125.008.315
Đầu tư ngắn hạn	1.265.330.052	-	-	1.265.330.052
Đầu tư dài hạn	2.500.000.000	-	-	2.500.000.000
Cộng	20.080.972.145	-	-	20.080.972.145
30/06/2017				
Các khoản vay	5.710.191.497	-	-	5.710.191.497
Phải trả người bán và phải trả khác	6.589.935.270	-	-	6.589.935.270
Chi phí phải trả	1.030.316.949	-	-	1.030.316.949
Cộng	13.330.443.716	-	-	13.330.443.716
Chênh lệch thanh khoản thuần	6.750.528.429	-	-	6.750.528.429
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2017				
Tiền	173.628.285	-	-	173.628.285
Phải thu khách hàng và phải thu khác	23.041.571.130	-	-	23.041.571.130
Đầu tư ngắn hạn	939.246.300	-	-	939.246.300
Đầu tư dài hạn	2.500.000.000	-	-	2.500.000.000
Cộng	26.654.445.715	-	-	26.654.445.715
01/01/2017				
Phải trả người bán và phải trả khác	12.480.610.806	-	-	12.480.610.806
Chi phí phải trả	359.901.812	-	-	359.901.812
Các khoản vay	5.926.830.275	-	-	5.926.830.275
Cộng	18.767.342.893	-	-	18.767.342.893
Chênh lệch thanh khoản thuần	7.887.102.822	-	-	7.887.102.822

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Thông tin các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty CP Xây dựng điện VNECO1	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Xây dựng điện VNECO2	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Xây dựng điện VNECO3	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Xây dựng điện VNECO8	Cùng Công ty mẹ
Ông Trần Văn Huy	Chủ tịch HĐQT
Ông Phan Huy Thành	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Bốn	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Thế Tam	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Thế Hùng	Ủy viên HĐQT
Bà Trần Thị Thu Lan	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Năng Đồng	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Lê Thị Dung	Thành viên Ban kiểm soát

Trong kỳ Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Bán hàng	18.083.964.706	9.123.641.412
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	18.083.964.706	8.612.646.021
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	-	510.995.391
Mua hàng	82.077.131	1.043.871.097
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3	-	1.043.871.097
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	82.077.131	
Thanh toán tiền hàng	1.481.479.428	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	1.481.479.428	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3	2.575.200.000	933.539.000

Số dư với các bên liên quan:

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng	12.540.773.978	9.794.844.292
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	12.502.100.472	9.305.636.777
Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO2	-	441.739.921
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	38.673.506	47.467.594
Phải trả người bán	2.324.497.255	6.290.891.839
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3	326.573.580	2.901.773.580
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2	1.997.923.675	3.389.118.259

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Thông tin các bên liên quan

Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lương	438.709.140	386.603.259
Tiền thưởng, thù lao hội đồng quản trị	144.270.000	138.220.000
Cộng	582.979.140	524.823.259

4. Sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế.

Phùng Thị Thu
Người lập
Ngày 01 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Thế Tam
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Hùng
Giám đốc